

**CÔNG TY TNHH LIMBER VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LIMBER VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIMBER VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LIMBER VIET NAM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108573743

**3. Ngày thành lập:** 05/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 1, Số 164 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663     |
| 2.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4799     |
| 3.  | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6312     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299     |
| 5.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động Đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4791     |
| 6.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1622     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: - Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác,<br>- Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự,<br>- Lắp đặt thiết bị nội thất,<br>- Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được...<br>- Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền... | 4330        |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610        |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7310(Chính) |
| 10. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác<br>Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh;<br>- Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hóa;<br>- Sản xuất đồ nội thất bằng gốm;                                                                                                                                                                                     | 2393        |
| 11. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3100        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác                  | 4649        |
| 13. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4753        |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đô thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                             | 7410        |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230        |
| 16. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9524        |



